

Tông Huấn Người Trông Nom Đáng Cứu Thế

REDEMPTORIS CUSTOS VỀ CON NGƯỜI VÀ SỨ MẠNG CỦA THÁNH GIUSE TRONG ĐỜI SỐNG ĐỨC KITÔ VÀ GIÁO HỘI

Gởi cho các Giám mục, Linh mục, Phó tế, Nam Nữ Tu sĩ và
các Tín hữu



Nội dung:

- + Nhập đề
- + Dung mạo qua Sách Tin Mừng
- + Người Bảo Vệ Mẫu Nhiệm Thiên Chúa
- + Vừa là Người Công Chính vừa là người chồng
- + Lao động như một cách diễn tả tình yêu
- + Sự ưu việt của đời sống nội tâm
- + Quan thầy Hội Thánh ngày nay

NHẬP ĐỀ

1. “Ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà.” (xem Mt 1,24)

Dựa vào Tin Mừng, các Giáo Phụ từ những thế kỷ đầu đã nhấn mạnh rằng, như Thánh Giuse đã thương yêu chăm sóc Mẹ Maria và vui vẻ tận tụy nuôi dưỡng Đức Giêsu Kitô thế nào, (1) thì Ngài cũng coi sóc và bảo vệ Nhiệm Thể của Đức Kitô, là Giáo Hội, mà Mẹ Maria là hiện thân và khuôn mẫu như thế ấy.

Nhân dịp kỷ niệm đệ bách chu niên bức Tông Thư Quamquam Pluries, (2) của Đức Thánh Cha Lêô XIII, và nối tiếp truyền thống tôn kính dành cho Thánh Giuse qua bao thế kỷ, Tôi muốn đưa ra một vài suy tư để Anh Chị Em thân mến suy nghĩ về Đấng mà “Thiên Chúa đã tin tưởng trao phó kho

châu báu quý giá nhất của Ngài” (3) để bảo vệ. Tôi sung sướng chu toàn bốn phận mục tử này mong sao mọi người gia tăng lòng sùng kính đối với Vị Quan Thầy Giáo Hội hoàn vũ và thêm lòng yêu thương Đáng Cứu Thế mà Ngài đã tận tụy phục vụ cách gương mẫu.

Nhờ vậy toàn thể Dân Chúa Kitô không những sốt sắng chạy đến với thánh Giuse và tin tưởng cầu khẩn Ngài bảo trợ, mà còn tâm niệm để noi theo cách thế Người vừa phụng sự vừa “tham dự” cách khiêm hạ và trọn hảo vào chương trình cứu chuộc. (4)

Tôi tin tưởng rằng nhờ suy nghĩ về cách thức Vị Phu Quân của Mẹ Maria tham dự vào mầu nhiệm Thiên Chúa, Giáo Hội – đang cùng toàn nhân loại lữ hành về tương lai – sẽ có thể tái khám phá căn tính của mình trong chương trình cứu chuộc, vốn đặt nền tảng trên mầu nhiệm Nhập Thể.

Đây chính là mầu nhiệm Thánh Giuse người Nagiarét “tham dự” vào, mà chưa ai trong nhân loại từng tham dự ngoại trừ Đức Maria, Mẹ của Ngôi Lời Nhập Thể. Cùng với Mẹ, Ngài đã tham dự vào mầu nhiệm Nhập thể; Ngài đã dấn thân vào cùng một biến cố cứu độ, Ngài đã là người săn sóc chính tình yêu mà Thiên Chúa Cha, qua sức mạnh của tình yêu ấy, đã “tiền định cho ta làm nghĩa tử nhờ Đức Giêsu Kitô” (Ep 1,5).

DUNG MẠO QUA SÁCH TIN MỪNG

Hôn nhân với Mẹ Maria

2. “Này ông Giuse, con cháu Đavít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cư mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1,20-21).

Qua những từ này, chúng ta thấy được cốt lõi chân lý thánh kinh về Thánh Giuse; chúng quy về chính giây phút các Giáo phụ đặc biệt nhắc đến trong cuộc đời của Người.

Thánh sử Mátthêu vừa giải thích ý nghĩa của thời điểm ấy vừa miêu tả Giuse đã sống nó như thế nào. Tuy nhiên để hiểu được trọn vẹn cả nội dung và ngữ cảnh, cần phải nhớ đến những đoạn song song trong Tin mừng Luca. Trong Mátthêu, chúng ta đọc thấy: “Sau đây là gốc tích Đức Giêsu Kitô: bà Maria, mẹ Người, đã đính hôn với ông Giuse. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần” (Mt 1,18). Tuy nhiên, căn nguyên việc thụ thai “bởi Thánh Thần” của Mẹ Maria được miêu tả đầy đủ và rõ ràng hơn trong phần Luca kể lại cho chúng ta việc báo tin Chúa Giêsu sinh ra: “Thiên Chúa sai sứ thần Gáprien đến một thành miền Galilê, gọi là Nagiarét, gặp một trinh nữ đã thành hôn với một người tên là Giuse, thuộc dòng dõi vua Đavít. Trinh nữ ấy tên là Maria” (Lc 1,26-27). Lời

chào của thiên thần: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà” (Lc 1,28) đã làm Mẹ Maria bối rối trong lòng khiến Mẹ phải suy nghĩ. Rồi sứ thần trấn an Đức Trinh nữ đồng thời tiết lộ chương trình của Thiên Chúa dành cho Mẹ: “Thưa bà Maria, xin đừng sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giêsu. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ tiên Người” (Lc 1,30-32).

Trước đó, thánh sử đã ghi lại rằng vào lúc truyền tin, Mẹ Maria đã “đã thành hôn với một người tên là Giuse, thuộc dòng dõi vua Đavít”. Bản chất cuộc “hôn nhân” này được cắt nghĩa cách gián tiếp khi, vừa nghe sứ thần nói về việc ra đời của Hài nhi, Mẹ Maria đã hỏi: “Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng!” (Lc 1,34) Thiên thần trả lời: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa” (Lc 1,35). Mặc dầu Mẹ Maria và Giuse đã cưới nhau, Mẹ vẫn là trinh nữ, vì người con tượng thai trong lòng Mẹ lúc Truyền tin được tượng thai bởi quyền năng Chúa Thánh Thần.

Ở đoạn này, bản văn Luca trùng hợp với Matthêu 1,18 và dùng để giải thích những gì chúng ta đọc thấy ở đây. Sau đám cưới với Giuse, khi mà Mẹ Maria có thai “do Chúa Thánh Thần”, thì “sự việc này hoàn toàn tương hợp với điều

biến cố Truyền tin nói đến, nhất là những lời cuối cùng Mẹ Maria đã thưa: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói” (Lc 1,38). Ứng với điều rõ ràng là chương trình của Thiên Chúa, cùng với ngày tháng trôi qua, mọi người và cả Giuse, ai cũng thấy rõ việc Mẹ Maria “mang thai”; Trước mặt mọi người, Mẹ là người phải sinh con và mang nơi mình mẫu nhiệm của thiên chức làm mẹ.

Trong tình thế ấy, “ông Giuse, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo” (Mt 1: 19). Ngài không biết phải ứng xử như thế nào với việc Maria mang thai “cách lạ lùng”. Chắc chắn Ngài cố tìm một câu trả lời cho vấn nạn đáng quan ngại này, nhưng trước hết là tìm cách thoát khỏi tình cảnh khó xử đối với Ngài. “Ông đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: “Này ông Giuse, con cháu Đavít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1,20-21).

Về việc Truyền tin, có một song đối chặt chẽ ở cả hai văn bản của Máttêu và Luca. Sứ thần đưa Giuse vào trong mẫu nhiệm của thiên chức làm mẹ của Mẹ Maria. Mặc dù vẫn là trinh nữ, cô thiếu nữ theo luật là vợ mình, đã trở thành mẹ bởi quyền năng Chúa Thánh Thần. Và khi người Con

trong cung lòng Mẹ Maria chào đời, Ngài phải mang tên Giêsu. Đây là cái tên quen thuộc của người Do Thái, và họ thường đặt tên ấy cho con trai. Tuy nhiên, ở đây, chính người Con này, theo lời Thiên Chúa hứa, sẽ thực hiện trọn vẹn ý nghĩa của tên gọi Giêsu – Yehos ua’ – nghĩa là “Thiên Chúa cứu chuộc”.

Sứ thần đến viếng Giuse là “người chồng của bà Maria, “là người vào đúng thời điểm, có trách vụ đặt tên cho Hài Nhi được trinh nữ làng Nagiarét sinh ra, người mà ông đã kết hôn. Và cũng chính Giuse là người mà sứ thần tìm đến, tin cậy trao phó trọng trách làm cha trần thế cho người Con bà Maria.

“Khi tỉnh giấc, ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà” (x. Mt 1,24). Người đón Mẹ với trọn vẹn màu nhiệm làm mẹ. Người đón Mẹ cùng với người Con đã đến trong trần gian bởi quyền năng Chúa Thánh Thần. Như thế, giống như Mẹ Maria, Người đã tỏ ra sẵn sàng tuân theo yêu cầu của Thiên Chúa do sứ thần truyền đạt.

NGƯỜI BẢO VỆ MÀU NHIỆM THIÊN CHÚA

4. Không lâu sau ngày Truyền tin, khi Mẹ Maria đến nhà ông Dacaria để thăm người bà con Êlisabét, vừa khi Mẹ cất tiếng chào, Mẹ được nghe những lời chúc tụng của Êlisabét, lúc ấy “được đầy tràn Chúa Thánh Thần” (Lc 1,41).

Ngoài lời chào hỏi gọi lại điều sứ thần đã nói lúc truyền tin, bà Êlisabét còn nói: “Em thật có phúc, vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Người đã nói với em” (Lc 1,45). Những lời này đã là ý tưởng chỉ đạo cho thông điệp Mẹ Đấng Cứu Chuộc. Trong thông điệp này, Tôi đã nhắm vào sâu giáo huấn của Công Đồng Vatican II. Công đồng đã nêu rõ rằng Đức Trinh Nữ rất thánh đã tiến bước trên đường lữ hành đức tin, và kiên tín giữ sự hiệp nhất với Con cả lúc đứng dưới chân Thập giá” (5), “đi trước” (6) mọi kẻ tin theo Đức Kitô.

Vào lúc khởi đầu cuộc lữ hành, đức tin của Mẹ Maria gặp đức tin của thánh Giuse. Nếu bà Êlisabét nói về Mẹ Đấng Cứu chuộc: “Phúc cho Bà là kẻ đã tin”, thì theo một nghĩa nào đó, sự chúc phúc này cũng có thể được áp dụng cho Giuse, vì Ngài đã tích cực đáp lời Thiên Chúa khi lời này được truyền đạt cho Ngài vào giây phút quyết định. Mặc dù đúng thật là Giuse đã không đáp trả lại lời truyền tin của sứ thần cùng một cách như Mẹ Maria, nhưng Ngài đã “làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà”. Điều Ngài đã làm là một “sự vâng phục đức tin” rõ rệt nhất (x. Rm 1,5; 16,26; 2Cr 10,5-6).

Người ta có thể nói rằng điều Thánh Giuse làm đã liên kết Người một cách đặc biệt với đức tin của Mẹ Maria. Người đã tin nhận như là chân lý đến từ Thiên Chúa chính điều mà Mẹ Maria đã đón nhận vào lúc truyền tin. Công đồng dạy rằng: “Vâng phục của đức tin là phải đáp trả lại Thiên

Chúa khi Người mặc khải chính mình. Nhờ sự vâng phục của đức tin, con người tự do tận hiến cho Thiên Chúa, phó thác hoàn toàn trí khôn và ý chí cho Thiên Chúa, Đấng mặc khải, và “sẵn lòng tin nhận điều Thiên Chúa mặc khải cho mình” (7). Giáo huấn này nói lên chính yếu tính của đức tin, hoàn toàn có thể áp dụng cho Giuse, người làng Nagiarét.

5. Vì thế Ngài trở thành người bảo vệ duy nhất của mầu nhiệm “đã được giữ kín từ muôn thuở nơi Thiên Chúa” (Ep 3,9), giống như Mẹ Maria, vào giây phút quyết định mà Thánh Phaolô gọi là: “khi thời gian tới hồi viên mãn”, lúc “Thiên Chúa đã sai Con mình tới, sinh làm con một người đàn bà... để chuộc những ai sống dưới Lề Luật, hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử” (Gl 4,4-5). Dùng chính ngôn từ của Công Đồng: “Theo hảo ý, trong sự tốt lành và khôn ngoan của mình, Thiên Chúa muốn tự mặc khải và thông tri mầu nhiệm ý muốn của mình (x. Ep 1,9) Ý muốn của Ngài là con người phải tới được Thiên Chúa Cha, qua Đức Kitô, Ngôi Lời thành xác phàm, trong Chúa Thánh Thần, và trở nên người tham dự vào thiên tính (x. Ep 2,18; 2Pr 1,4)” (8).

Cùng với Mẹ Maria, Giuse là người gìn giữ đầu tiên mầu nhiệm thiêng liêng này. Cùng với Mẹ Maria, và trong tương quan với Mẹ Maria, Ngài cộng tác vào giai đoạn tự mặc khải cuối cùng của Thiên Chúa trong Đức Kitô, và Ngài đã cộng tác như thế ngay từ buổi đầu. Nhìn lại các đoạn văn Tin Mừng của cả Mátthêu và Luca, người ta có thể nói rằng

thánh Giuse là người đầu tiên chia sẻ đức tin của Mẹ Thiên Chúa, và khi chia sẻ như thế, Ngài nâng đỡ niềm tin của vị hôn thê vào lời truyền tin của Thiên Chúa. Ngài cũng là người đầu tiên được Thiên Chúa đặt trên đường “lữ hành đức tin” của Mẹ Maria. Đó là đoạn đường Mẹ Maria đi trước cách tuyệt hảo, đặc biệt vào lúc ở Núi Sọ và lúc Hiện Xuống.

6. Đường lũ hành trong đức tin của Thánh Giuse kết thúc trước, nghĩa là trước khi Mẹ Maria đứng dưới chân thập giá trên đồi Gôngôtha, và trước thời điểm Đức Kitô trở về cùng Cha, khi Mẹ hiện diện ở lầu Tiệc Ly vào lễ Ngũ Tuần, ngày mà Giáo Hội biểu lộ mình ra cho thế giới, sau khi được sinh ra trong quyền năng của Thánh Thần Chân lý. Dầu vậy, đường đức tin của thánh Giuse không có gì thay đổi: hoàn toàn được xác định bởi cùng một mầu nhiệm, mà Ngài cùng với Mẹ là người bảo vệ đầu tiên. Mầu nhiệm Nhập Thể và mầu nhiệm Cứu chuộc tạo thành một duy nhất tính hữu cơ và bất khả phân, nơi đó “chương trình mạc khải được thực hiện qua ngôn từ và hành động, cả hai tương quan mật thiết nội tại với nhau” (10). Chính vì duy nhất tính này mà Đức Gioan XXIII, người rất sùng kính thánh Giuse, đã chỉ thị phải thêm tên của thánh Giuse vào Lễ Quy Rôma của Thánh lễ – vốn là hành vi muôn đời tưởng nhớ việc cứu chuộc – sau tên của Mẹ Maria, và trước tên các Thánh Tông đồ, Giáo hoàng và Tử đạo. (11)

Việc phục vụ của người Cha

7. Như có thể suy diễn từ các bản văn Tin Mừng, cuộc hôn nhân của thánh Giuse với Mẹ Maria là nền tảng pháp lý cho chức vụ làm cha. Vì nhằm bảo đảm có một người cha bảo vệ Chúa Giêsu mà Thiên Chúa chọn Giuse làm chồng Mẹ Maria. Nhờ thế mà chức vụ làm cha của Giuse – một tương quan khiến Ngài hết sức gần gũi với Đức Kitô, Đáng mà những ai được tuyển chọn và được tiền định đều quy chiếu về (x. Rm 8,28-29) – [chức vụ làm cha] có được qua cuộc hôn nhân với Mẹ Maria, nghĩa là qua gia đình.

Khi mình nhiên khẳng định Chúa Giêsu được thụ thai bởi quyền năng Chúa Thánh Thần, và sự trinh khiết vẫn được bảo toàn nguyên vẹn trong hôn nhân (x. Mt 1,18-25; Lc 1,26-38), các thánh sử muốn nói Giuse như là chồng của Mẹ Maria, và Mẹ Maria là vợ của Người (x. Mt 1,16,18-20,24; Lc 1,27; 2,5).

Và khi Giáo Hội thấy thật là quan trọng phải tuyên xưng sự hoài thai Chúa Giêsu đồng trinh, thì một điều khác cũng không kém trọng yếu là Giáo Hội phải bênh vực hôn nhân của Mẹ Maria với thánh Giuse, vì theo pháp lý cương vị làm Cha của thánh Giuse tùy thuộc vào đó. Vì thế người ta mới hiểu tại sao phả hệ lại được liệt kê theo phả hệ của thánh Giuse. Thánh Augustinô hỏi: “Tại sao phả hệ lại không được kể theo thánh Giuse cơ chứ ? Người không phải là chồng của Mẹ Maria sao ? Kinh Thánh ghi nhận, qua uy quyền của sứ

thần, rằng Người là chồng của bà. Sứ thần nói: ‘Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần’. Giuse được bảo phải đặt tên cho con trẻ, dù không phải là con do mình. Sứ thần nói: ‘Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu’. Kinh Thánh nhìn nhận Chúa Giêsu không sinh ra từ dòng giống của Giuse, vì khi thắc mắc về nguồn gốc bào thai trong lòng Mẹ Maria, Giuse được cho biết đó là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Tuy vậy, Ngài không bị tước mất quyền làm cha vào lúc Ngài được bảo phải đặt tên cho con trẻ. Cuối cùng, cả Trinh Nữ Maria, dù ý thức rằng mình không thụ thai Đức Kitô qua việc vợ chồng với Giuse, bà vẫn gọi ông là Cha Đức Kitô”. (12)

Người Con của Mẹ Maria cũng là người Con của thánh Giuse qua mối liên kết hôn nhân đã nối kết hai người: “Nhờ hôn nhân thủy chung của họ, cả hai xứng đáng được gọi là cha mẹ của Đức Kitô. Không chỉ mẹ Người, nhưng cả cha Người, cũng là cha là mẹ cùng một cách thức như nhau, vì Giuse là chồng của Mẹ Người: theo tinh thần, chứ không theo thể xác”. (13) Trong cuộc hôn nhân này, không thiếu vắng điều kiện cần thiết nào: “Nơi cha mẹ của Đức Kitô mọi điều tốt đẹp của hôn nhân đều được thực hiện – con cái nối dòng, sự chung thủy, sự bền vững: Con cái là chính Chúa Giêsu; chung thủy, vì không có ngoại tình; bền vững, vì không có ly dị”. (14)

Phân tích bản chất cuộc hôn nhân này, cả Thánh Augustinô lẫn Thánh Tôma luôn luôn đồng hoá nó với một “hiệp nhất tâm hồn bất khả phân”, một “hợp nhất đôi tim”, với “đồng thuận”. (15) Người ta tìm thấy những yếu tố này được thể hiện cách tuyệt hảo trong cuộc hôn nhân của Mẹ Maria và Giuse. Vào cao điểm của lịch sử Cứu chuộc, khi Thiên Chúa biểu lộ tình yêu dành cho nhân loại qua quà tặng là Ngôi Lời, thì Mẹ Maria và thánh Giuse qua chính việc nhận lãnh và biểu lộ tình yêu hôn nhân của mình, đã thực hiện trong trọn vẹn “tự do” sự trao hiến mình cho nhau. (16) “Trong công cuộc vĩ đại đổi mới mọi sự trong Đức Kitô, thì hôn nhân – vốn cũng được thanh luyện và canh tân – trở thành một thực thể mới, một bí tích của Tân Ước. Chúng ta thấy rằng, vào lúc khởi đầu của Tân Ước, cũng giống như lúc ban đầu của Cựu ước, đã có một cặp vợ chồng. Nhưng trong khi Adam và Evà là nguồn gieo vãi sự dữ vào thế gian, thì thánh Giuse và Mẹ Maria là cao điểm hội tụ từ đó sự thánh thiện lan toả khắp thế giới. Chính nơi cuộc hôn nhân trinh khiết và thánh thiện này mà Đấng Cứu Thế đã bộc lộ ý toàn năng của Ngài, khi khởi đầu việc cứu chuộc, là muốn thanh luyện và thánh hoá gia đình – là cung thánh tình yêu và nuôi dưỡng sự sống”. (17)

Các gia đình ngày nay học hỏi được biết bao nhiêu điều từ điểm này! “Phân tích cho cùng thì bản chất và vai trò của gia đình là tình yêu. Vậy gia đình có nhiệm vụ bảo toàn,

biểu lộ, hiệp thông tình yêu, và gia đình là một suy tư sống động về, và là một chia sẻ tình yêu Thiên Chúa dành cho nhân loại và tình yêu Đức Kitô dành cho Giáo Hội, Hiền thê Người”. (18) Đây là điều diễn ra nơi Thánh Gia thất, mà mọi gia đình Kitô hữu phải phản ánh được nơi “Giáo Hội nhỏ bé (tại gia)”. (19) “Qua an bài mẫu nhiệm của Thiên Chúa, chính trong gia đình như thế mà Con Thiên Chúa đã trải qua nhiều năm ẩn cư. Vì thế, đó chính là nguyên mẫu và gương sáng cho mọi gia đình Kitô hữu”. (20)

8. Thánh Giuse được Thiên Chúa gọi để phục vụ con người và sứ mạng Chúa Giêsu trực tiếp qua việc thi hành chức vụ làm cha. Chính qua cách này, như Phụng vụ Giáo hội dạy, mà Người “cộng tác vào mẫu nhiệm Cứu chuộc cao cả khi thời gian viên mãn” và Người đích thực là “thừa tác viên của ơn cứu chuộc”. (21) Chức vụ cha của Người được biểu hiện cụ thể “qua việc Người phải biến đời mình thành phục vụ, thành hy lễ cho mẫu nhiệm Nhập Thể và cho sứ mạng cứu chuộc liên kết theo đó; qua việc Người phải dùng quyền uy hợp pháp của Người trên Gia đình thánh để biến chính Người, biến cuộc đời và công việc Người thành một quà tặng trọn vẹn; qua việc Người phải chuyển ơn gọi thuần nhân loại yêu thương trong nội vi gia đình thành một tế hiến siêu nhiên chính mình, chính con tim và mọi khả năng thành tình yêu phục vụ Đấng Thiên Sai đang trưởng thành dưới mái nhà mình”. (22)

Khi nhắc lại rằng “buổi đầu của việc cứu chuộc chúng ta” được tín thác trao cho “thánh Giuse thành tín chăm lo”. (23) Phụng Vụ nhấn mạnh rằng “Thiên Chúa đặt Người làm đầu gia đình, như một người phục vụ tín thành và cẩn trọng, hầu qua việc chăm lo trong vai người cha, Người coi sóc người Con duy nhất được sinh ra”. (24) Đức Lêô XIII nhấn mạnh đến bản chất cao siêu của sứ mệnh này: “Người trời vượt giữa mọi người nhờ phẩm cách uy nghiêm, vì Thiên Chúa an bài Người làm người bảo vệ và nhân loại chân nhận Người là cha của Con Thiên Chúa. Từ đó Ngôi Lời Thiên Chúa quy phục thánh Giuse, Người vâng lời thánh Giuse và trao về thánh Giuse vinh quang và kính trọng mà mọi người con phải có đối với cha mình”. (25)

Vì người ta không thể tưởng tượng được rằng một công tác cao trọng như thế mà không có những phẩm cách cần thiết tương xứng để chu toàn nó cách thích đáng, nên chúng ta phải nhìn nhận rằng Thánh Giuse, “nhờ hồng ân đặc biệt từ trời”, đã dành cho Chúa Giêsu “trọn tình yêu tự nhiên, mọi chăm nom âu yếm mà một trái tim người cha có thể nghĩ ra được”. (26)

Ngoài quyền uy của một người cha đối với Chúa Giêsu, Thiên Chúa còn ban cho thánh Giuse thông phần vào tình yêu, tình yêu bắt nguồn từ Thiên Chúa Cha “từ nơi Người là nguồn gốc mọi gia tộc trên trời dưới đất” (Ep 3,15).

Các sách Tin Mừng miêu tả rõ ràng trách nhiệm làm cha của thánh Giuse đối với Chúa Giêsu. Vì việc cứu chuộc – xuyên qua nhân tính của Chúa Giêsu – được thực hiện bằng những hành động, là một phần đời sống gia đình hằng ngày, tương ứng với việc “tự hạ” vốn gắn liền với nhiệm cục Nhập Thể. Các thánh sử cẩn thận cho thấy không có gì trong cuộc đời Chúa Giêsu là ngẫu nhiên, nhưng mọi việc đều xảy ra theo đúng chương trình quan phòng của Thiên Chúa. Công thức thường được lặp lại: “Điều này xảy ra, để thực hiện trọn vẹn...” liên quan đến một sự kiện đặc biệt trong Cựu Ước, dùng để nhấn mạnh đến tính chất duy nhất và liên tục của chương trình được thành toàn nơi Đức Kitô.

Với việc Nhập thể, các “lời hứa” và “hình ảnh” trong Cựu Ước trở thành “thực tại”: các nơi chốn, nhân vật, biến cố và nghi thức liên quan với nhau theo đúng mệnh lệnh chính xác của Thiên Chúa được các sứ thần thông tri và được các thụ tạo là những người đặc biệt miễn cảm với tiếng nói Thiên Chúa đón nhận. Mẹ Maria là nữ tì khiêm hạ của Thiên Chúa, được chuẩn bị từ muôn thuở để đảm trách chức vụ làm Mẹ Thiên Chúa, còn thánh Giuse là một người được Thiên Chúa chọn để thành “người chăm nom việc Chúa hạ sinh”, (27) người có trách nhiệm trông nom việc Con Thiên Chúa được “chỉ định” nhập thể, theo đúng những điều Thiên Chúa an bài và luật lệ nhân loại. Tất cả đời sống được gọi là “riêng tư”

hay “ăn dật” của Chúa Giêsu được tín thác vào sự bảo vệ của Thánh Giuse.

Cuộc kiểm tra dân số

9. Khi lên đường trở về Bêlem để được kiểm tra dân số theo lệnh của thẩm quyền hợp pháp, thánh Giuse đã chu toàn cho Hải Nhi một công việc đầy ý nghĩa là chính thức thêm tên “Giêsu, con của Giuse làng Nagiarét” (x. Ga 1,45) vào sổ bộ Đế quốc La Mã. Việc đăng ký này chứng minh rõ ràng rằng Đức Giêsu thuộc loài người như một người nam trong nam giới, một công dân của thế giới này, chịu sự chi phối của lề luật và các định chế dân sự, nhưng cũng là “đấng cứu chuộc thế giới”.

Origênê đã miêu tả đúng đắn ý nghĩa thần học của sự kiện lịch sử này mà không hề tránh né một chút nào: “Vì cuộc kiểm tra dân số đầu tiên của toàn thế giới được thực hiện dưới thời Xêdarê Augútô, và cùng với mọi người khác, thánh Giuse cũng đi đăng ký với Mẹ Maria bạn đời mình đang có thai, và vì Đức Giêsu được sinh ra trước khi cuộc kiểm tra hoàn tất, nên đối với những ai chăm chú khảo sát, dường như có một mẫu nhiệm được biểu hiện qua sự kiện là vào chính thời điểm mọi người trên thế giới đi trình diện để được đếm, Đức Kitô cũng phải được đếm. Bởi được ghi tên vào sổ bộ chung với mọi người, Ngài có thể thánh hoá mọi người; bởi được ghi danh vào chung với toàn thế giới trong

cuộc kiểm tra, Ngài mời gọi thế giới hiệp thông với Ngài, và sau khi trình diện mình, Ngài ghi tên mọi người thế gian vào sách hằng sống, để dù có bao nhiêu người tin vào Ngài, họ cũng được ghi danh trên trời chung với các thánh của Thiên Chúa, Đáng đáng được mọi vinh quang và quyền năng muôn thuở muôn đời, Amen”. (28)

Giáng sinh tại Bêlem

10. Là người bảo vệ mầu nhiệm “được giấu kín từ muôn đời trong ý định của Thiên Chúa,” và bắt đầu tỏ lộ trước mắt Ngài “vào lúc thời gian viên mãn,” cùng với Mẹ Maria, thánh Giuse là nhân chứng ưu tuyển việc Con Thiên Chúa giáng sinh vào thế gian đêm Sinh nhật tại Bêlem. Thánh Luca viết: “Khi hai người đang ở đó, thì bà Maria đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ” (Lc 2,6-7).

Thánh Giuse đã là chứng nhân của cuộc hạ sinh này vốn xảy ra trong những hoàn cảnh quá lúng túng, nói theo phương diện loài người, – đó là một lời tiên báo về việc “tự huỷ diệt” (x. Pl 2,5-8) mà Đức Kitô tự nguyện chấp nhận để tha tội. Thánh Giuse cũng mục kích việc các mục đồng đến nơi Chúa Giêsu hạ sinh để thờ lạy sau khi các thiên thần báo cho họ tin vui và quan trọng ấy (x. Lc 2,15-16). Sau đó, Ngài

cũng mục đích việc các đạo sĩ từ Đông phương đến bái kiến (x. Mt 2,11).

Cắt bì

11. Việc cắt bì cho người con trai là nghĩa vụ tôn giáo đầu tiên của người cha, và với nghi thức này (x. Lc 2,21) thánh Giuse đã sử dụng quyền hạn và bổn phận của mình đối với Chúa Giêsu.

Nguyên tắc cho rằng cho mọi nghi lễ Cựu Ước đều là hình bóng của thực tại (x. Dt 9,9t; 10,1) được dùng để cắt nghĩa tại sao Chúa Giêsu phải chấp nhận những nghi lễ ấy. Cùng với mọi nghi lễ khác, việc cắt bì cũng “được hoàn thành” nơi Chúa Giêsu. Giao Ước của Thiên Chúa với Abraham, mà nghi thức cắt bì là dấu chỉ (x. St 17,13) đạt được đầy đủ hiệu quả và được thi hành trọn vẹn nơi Chúa Giêsu, Đấng là lời đáp “có” cho mọi lời hứa xưa (x. 2Cr 1,20).

Đặt Tên

12. Vào lúc cắt bì, thánh Giuse đặt tên con trẻ là “Giêsu”. Đây chính là cái tên duy nhất mang lại ơn cứu độ (x. Cv 4,12). Ý nghĩa của tên này đã được mạc khải cho thánh Giuse vào lúc truyền tin: “Ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ”. (x. Mt 1,21). Khi đặt tên, thánh Giuse biểu thị cương vị làm

cha hợp pháp của Người đối với Chúa Giêsu, và khi gọi tên ấy, Người tuyên bố sứ mệnh Đấng Cứu thế của Con trẻ.

Đâng Chúa Giêsu vào Đèn Thờ

13. Nghi thức này, theo thánh Luca kể lại (2,22tt), bao gồm việc chuộc lại người con đầu lòng, đồng thời soi sáng ý nghĩa cho việc sau đó Chúa Giêsu lưu lại Đèn Thờ khi lên mười hai tuổi.

Việc chuộc lại người con đầu lòng cũng là một nghĩa vụ nữa của người cha, mà thánh Giuse đã lo chu toàn. Biểu tượng của người con đầu lòng là dân của giao ước từng được chuộc khỏi ách nô lệ để thuộc về Thiên Chúa. Cũng vậy, chính Chúa Giêsu là “giá chuộc” đích thực (x. 1Cr 6,20; 7,23; 1Pr 1,19) chẳng những đã chu toàn một nghi thức của Cựu ước, mà đồng thời vượt trên chính nghi thức ấy, bởi vì không phải Người đã được cứu chuộc mà chính Người là Đấng Cứu Chuộc.

Thánh sử ghi lại rằng “Cha và mẹ Hải Nhi ngạc nhiên vì những lời nói về Người” (Lc 2,33). đặc biệt vì những điều Simêon nói lên trong bài ca tụng Thiên Chúa, khi ông đề cập đến Chúa Giêsu như là: “ơn cứu độ Chúa đã dành sẵn cho muôn dân, đó là ánh sáng soi đường cho dân ngoại, là vinh quang của Ítraen Dân Ngài” và là “dấu hiệu cho người đời chống bóng” (x.Lc 2: 30-34).

Lánh nạn sang Ai Cập

14. Sau sự kiện dâng Chúa Giêsu vào Đền Thờ, thánh sử Luca ghi nhận: “Khi hai ông bà đã làm xong mọi việc như Luật Chúa truyền, thì trở về nơi cư ngụ là thành Nagiarét, miền Galilê. Còn Hài Nhi ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan, và hằng được ân nghĩa cùng Thiên Chúa” (Lc 2,39-40).

Nhưng theo bản văn của Mát-thêu, một biến cố rất quan trọng đã xảy ra trước khi họ trở về Galilêa, biến cố trong đó Thiên Chúa quan phòng một lần nữa cậy nhờ đến Giuse. Chúng ta đọc thấy: “Khi các nhà chiêm tinh đã ra về, thì sứ thần Chúa hiện ra báo mộng cho ông Giuse rằng: “Này ông, dậy đem Hài Nhi và mẹ Người trốn sang Ai-cập, và cứ ở đó cho đến khi tôi báo lại, vì vua Hêrôđê sắp tìm giết Hài Nhi đấy! ” (Mt 2,13) Các nhà chiêm tinh từ phương Đông đến báo cho Hê-rô-đê biết việc hạ sinh của “Đức Vua dân Do thái” (Mt 2,22). Và khi các nhà chiêm tinh đi rồi, ông “sai người đi giết tất cả các con trẻ ở Bêlem và toàn vùng lân cận, từ hai tuổi trở xuống” (Mt 2,16). Khi giết hết các hài nhi, ông mong giết được hài nhi “Vua dân Do thái” mới sinh, mà ông vừa nghe biết. Vậy, sau khi được báo mộng, thánh Giuse đã “đưa Hài Nhi và mẹ Người trốn sang Ai-cập. Ông ở đó cho đến khi vua Hêrôđê băng hà, để ứng nghiệm lời Chúa phán xưa qua miệng ngôn sứ: ‘Ta đã gọi con Ta ra khỏi Ai cập’” (Mt 2,14-15; x. Hs 11,1).

Và như thế lộ trình của Chúa Giêsu từ Bê-lem về Nagiarét phải qua ngã Ai cập. Cũng như Ítraen đã theo lộ trình xuất hành “từ thân phận nô lệ” để bắt đầu Giao Ước cũ, thì thánh Giuse, người bảo vệ và cộng tác vào mầu nhiệm quan phòng của Thiên Chúa, dù trong lưu đày, cũng đã chăm sóc Đấng thực hiện Giao Ước mới.

Chúa Giêsu lưu lại Đền Thờ

15. Từ lúc Truyền tin, cả Thánh Giuse và Mẹ Maria, theo một nghĩa nào đó, đã là trung tâm của mầu nhiệm được giấu kín từ muôn đời trong ý định Thiên Chúa, mầu nhiệm đã trở thành người phạm: “Ngôi Lời đã trở nên người phạm và cư ngụ giữa chúng ta” (Ga 1,14). Người ở giữa loài người, trong nội vi Gia đình Thánh tại Nagiarét – một trong nhiều gia đình sinh sống tại làng nhỏ miền Galilê, một trong nhiều gia đình của xứ Ítraen. Ở đó, Chúa Giêsu “ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan, và hằng được ân nghĩa cùng Thiên Chúa” (Lc 2,40). Tin Mừng chỉ tóm lược trong vài chữ thời gian dài “sống ẩn dật”. Trong khoảng thời gian này, Chúa Giêsu tự chuẩn bị cho sứ mạng Thiên sai của mình.

Chỉ có một tình tiết trong “thời ẩn dật” này được Tin mừng Luca ghi lại: Lễ Vượt qua tại Giêrusalem khi Chúa Giêsu lên mười hai tuổi. Cùng với Mẹ Maria và Thánh Giuse, Chúa Giêsu tham dự cuộc lễ như một thiếu niên trong đoàn hành hương. “Xong kỳ lễ, hai ông bà trở về, còn cậu bé Giêsu

thì ở lại Giêrusalem, mà cha mẹ chẳng hay biết” (Lc 2,43). Sau một ngày hành trình, hai ông bà mới nhận thấy thiếu Ngài và bắt đầu tìm kiếm “giữa đám bà con và người quen thuộc”. “Sau ba ngày, hai ông bà mới tìm thấy con trong Đền Thờ, đang ngồi giữa các thầy dạy, vừa nghe họ, vừa đặt câu hỏi. Ai nghe cậu nói cũng ngạc nhiên về trí thông minh và những lời đối đáp của cậu” (Lc 2,47). Mẹ Maria hỏi: “Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con!” (Lc 2,48) Chúa Giêsu trả lời mà “ông bà không hiểu lời Người vừa nói”. Ngài đã nói: “Sao cha mẹ lại tìm con? Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao? ” (Lc 2,49-50).

Thánh Giuse, người mà Mẹ Maria dùng từ “cha con” để gọi, đã nghe câu trả lời này. Dẫu sao, đó là điều mà mọi người nói và nghĩ: “Chúa Giêsu là con (như vẫn được coi) của Giuse” (Lc 3,23). Tuy nhiên, câu trả lời của Chúa Giêsu trong Đền thờ một lần nữa gọi lên trong trí người “vẫn được coi là cha” điều người ấy đã nghe được trong một đêm mười hai năm trước đó: “Giuse... đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cư mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần”. Từ thời điểm ấy trở đi, Giuse biết mình là người bảo vệ mầu nhiệm của Thiên Chúa, và chính mầu nhiệm này mà cậu Giêsu mười hai tuổi nhắc lại cho nhớ: ”Con có bốn phận ở nhà của Cha con”.

Việc bảo trợ và giáo dục Đức Giêsu làng Nagiarét

16. Việc Chúa Giêsu lớn lên “thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và thêm ân nghĩa đối với Thiên Chúa và người ta” (Lc 2,52). xảy ra trong nội vi Gia đình Thánh dưới sự chăm sóc của thánh Giuse, người có trách vụ quan trọng “nuôi dưỡng” Chúa Giêsu, nghĩa là chăm lo cái ăn cái mặc, và dạy dỗ Người biết Lễ Luật và biết mưu sinh, mà vẫn luôn vuông tròn bốn phận làm cha.

Trong Hiến Tế Thánh Thể, Giáo hội kính nhớ Mẹ Maria trọn đời đồng trình của Thiên Chúa, và thánh Giuse, (29) vì “Người nuôi dưỡng Chúa, Đáng mà người tín hữu phải ăn như là bánh hằng sống”. (30)

Về phần mình, Chúa Giêsu “hằng vâng phục các ngài” (Lc 2,51), cung kính hồi đáp tình yêu của “cha mẹ Người”. Nhờ thế, Người mong thánh hoá những bốn phận gia đình và lao động, mà Người thi hành bên cạnh Thánh Giuse.

VỪA LÀ NGƯỜI CÔNG CHÍNH VÀ NGƯỜI CHỒNG

17. Xuyên suốt cuộc lữ hành đức tin vốn là cuộc đời của mình, giống như Mẹ Maria, thánh Giuse mãi luôn tin tưởng vào lời kêu gọi của Chúa cho tới cùng. Trong khi cuộc đời Mẹ Maria mang lại sự viên mãn cho lời xin vâng đầu tiên được thốt lên lúc Truyền tin, vào lúc Giuse được “truyền tin”, Ngài không nói gì; mà chỉ “làm như sứ thần Chúa dạy” (Mt

1,24). Và “việc làm” đầu tiên này khai mào cho “lộ trình của Giuse”, Các sách Tin Mừng không ghi lại bất cứ lời nói nào của thánh Giuse trong suốt hành trình này. Nhưng sự im lặng của thánh Giuse tự nó có sức hùng biện đặc biệt, vì nhờ sự im lặng này chúng ta có thể hiểu được sự thật của việc sách Tin Mừng đánh giá Người là “một người công chính” (Mt 1,19).

Chúng ta cần phải hiểu sự thật này, vì sự thật này chứa đựng một trong những bằng chứng quan trọng nhất liên quan đến thân thể và ơn gọi của Người. Qua nhiều thế hệ, Giáo hội đã đọc những chứng từ này ngày càng chăm chú hơn với mức hiểu biết sâu xa hơn và tận lực rút ra “cả cái mới lẫn cái cũ” (Mt 13,52) từ kho tàng chứa đựng hình ảnh quý phái của Giuse.

18. Trên tất cả, người “công chính” làng Nagiarét có các tính chất rõ nét của một người chồng. Luca nói về Mẹ Maria như là “một trinh nữ đã thành hôn với một người tên là Giuse” (Lc 1,27). Thậm chí trước khi “mầu nhiệm được giữ kín từ muôn thuở” (Ep 3,9) bắt đầu được thành toàn, các sách Tin Mừng trình bày trước mắt chúng ta hình ảnh người chồng và người vợ. Theo phong tục Do Thái, hôn nhân xảy ra theo hai giai đoạn: thứ nhất, hôn nhân hợp pháp, còn gọi là hôn nhân đích thực được cử hành, và sau đó, chỉ sau một thời gian nào đó, người chồng mới đưa vợ về nhà mình. Do đó, trước khi chung sống với Mẹ Maria, thánh Giuse đã là “chồng” của bà rồi. Tuy nhiên, Mẹ Maria vẫn duy trì ước muốn sâu xa của

mình là tận hiến cho Thiên Chúa. Người ta rất có thể thắc mắc làm sao ước muốn này của Mẹ Maria lại có thể tương thích với việc “hôn nhân” được. Câu trả lời chỉ có thể đến từ các biến cố cứu độ đã xảy ra do hành động đặc biệt của chính Thiên Chúa. Ngay từ lúc Truyền tin, Mẹ Maria biết rằng Mẹ phải hoàn thành mong ước khiết tịnh để tận hiến hoàn toàn và trọn vẹn chính mình cho Thiên Chúa bằng cách trở thành Mẹ của Con Thiên Chúa. Trở thành người mẹ nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần là một hình thức được Mẹ chấp nhận qua việc tự hiến : một hình thức chính Thiên Chúa mong đợi nơi Trinh Nữ Maria, người đã đính hôn với Giuse. Mẹ Maria đã nói lên lời xin vâng. Sự kiện Mẹ Maria đã “đính hôn” với Giuse là một phần trong chính chương trình của Thiên Chúa. Điều này được Luca và nhất là Máthêu nêu rõ. Những lời Thiên Chúa nói với Thánh Giuse rất có ý nghĩa: “Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà thụ thai là do quyền năng Chúa Thánh Thần” (Mt 1,20). Những lời này giải thích mâu nhiệm về người vợ của Giuse: Trong chức làm mẹ, Mẹ Maria là một trinh nữ. Nơi Mẹ, “Con của Đấng Tối Cao” mặc lấy xác phàm và trở thành “Con người”.

Khi ngỏ lời với thánh Giuse qua ngôn từ của thiên thần, Thiên Chúa nói với Người như là chồng của Trinh nữ làng Nagiarét. Điều xảy ra nơi Mẹ bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần cũng xác nhận một cách đặc biệt mối liên kết hôn nhân đã có giữa thánh Giuse và Mẹ Maria. Sứ thần của

Thiên Chúa đã nói rõ ràng với thánh Giuse: “Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về”. Kể từ đó, điều đã xảy ra trước đây, là cuộc hôn nhân giữa thánh Giuse và Mẹ Maria, quả đã xảy ra phù hợp với ý Thiên Chúa muốn và Người muốn nó phải tiếp tục tồn tại. Trong cương vị Mẹ Thiên Chúa, Mẹ Maria phải tiếp tục sống như “một trinh nữ, người vợ của chồng mình” (x. Lc 1,27).

19. Trong những lời “truyền tin” vào ban đêm, Thánh Giuse không chỉ được nghe sự thật Thiên Chúa cho biết về ơn gọi khôn tả của vợ mình, mà còn được nghe lại một lần nữa sự thật về ơn gọi chính mình. Trong tinh thần truyền thống cao quý nhất của Dân Ưu tuyển, con người “công chính” này đã yêu thương trinh nữ làng Nagiarét và gắn bó với bà bằng tình yêu của người chồng, một lần nữa, lại được Thiên Chúa kêu gọi để yêu thương như vậy.

“Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ” về nhà mình (Mt 1, 24); người Con trong lòng Mẹ Maria là “bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần”. Từ những kiểu nói như thế, chúng ta lại không giả thiết rằng tình yêu của thánh Giuse trong cương vị là một người nam, cũng đã tạo sinh được một người mới bởi Chúa Thánh Thần hay sao? Chúng ta không nghĩ rằng tình yêu Thiên Chúa tuôn đổ xuống trái tim con người qua Chúa Thánh Thần (x. Rm 5,5) hun đúc tình yêu con người cho đến mức hoàn hảo hay sao? Tình yêu Thiên Chúa – theo một cách thể hoàn toàn duy nhất – cũng

hun đúc tình yêu giữa chồng và vợ, khơi sâu thêm nơi tình yêu đó những gì là giá trị và tươi đẹp của con người, những gì chứng tỏ một tự hiến tuyệt đối, một giao ước liên vị, và một hiệp thông đích thực theo mẫu gương của Ba Ngôi đáng tôn kính.

“Giuse... đón vợ về nhà; nhưng ông không ăn ở với bà, cho tới khi bà sinh một con trai” (Mt 1,24-25). Những lời này nói đến một nét thân mật khác trong hôn nhân. Sự mật thiết tinh thần sâu xa phát sinh từ hợp nhất hôn nhân và sự tiếp xúc liên vị giữa nam và nữ có nguồn gốc tối hậu trong Thánh Thần, Đấng ban sự Sống (x.Ga 6, 63). Khi tuân lời Thánh Thần, Thánh Giuse tìm thấy được trong Thánh Thần cội nguồn tình yêu, tình yêu vợ chồng mà Người trải nghiệm trong cương vị một người nam. Và mối tình chồng vợ này đã chứng thực là lớn lao hơn mức “người công chính” ấy có thể tưởng tượng được trong giới hạn trái tim nhân loại của Người.

20. Trong Phụng vụ, Mẹ Maria được mừng kính như là “kết hiệp với Giuse, người công chính, qua cam kết hôn nhân và tình yêu tinh tuyền”. (31) Ở đây thực sự có hai loại tình yêu, cả hai đều biểu thị mẫu nhiệm Giáo hội – trinh nữ và hôn thê – tượng trưng qua hôn nhân của Mẹ Maria và Thánh Giuse. “Sự trinh khiết hoặc độc thân vì Nước Trời không những không mâu thuẫn với phẩm giá của hôn nhân mà còn giả định và xác nhận nó. Hôn nhân và đồng trinh là hai cách diễn tả và

sống mẫu nhiệm duy nhất Giao ước của Thiên Chúa với dân Người”. (32) Giao ước vốn là sự hiệp thông tình yêu giữa Thiên Chúa và loài người.

Qua sự tự hiến hoàn toàn, Thánh Giuse biểu lộ tình yêu độ lượng Người dành cho Mẹ Thiên Chúa, và tặng cho bà “món quà tự hiến” của một người chồng. Mặc dù Giuse đã quyết định rút lui để không can dự vào kế hoạch Thiên Chúa đang diễn ra nơi Mẹ Maria, Người tuân theo mệnh lệnh rõ ràng của thiên thần và đón Mẹ Maria về nhà mình, trong khi vẫn tôn trọng việc Mẹ chỉ thuộc về một mình Thiên Chúa mà thôi.

Đàng khác, từ cuộc hôn nhân với Mẹ Maria, thánh Giuse nhận được phẩm giá đặc thù và quyền hành của mình đối với Chúa Giêsu. “Chắc chắn phẩm giá của Mẹ Thiên Chúa cao quý đến độ không gì có thể siêu việt hơn; tuy nhiên vì Mẹ Maria hợp nhất với Giuse qua liên kết hôn nhân, nên không chút nghi ngờ là chỉ mình Giuse chứ chưa hề có ai khác tiến gần đến mức phẩm giá cao quý ấy, nhờ đó Mẹ Thiên Chúa trở vượt trên mọi thụ tạo. Vì hôn nhân là sự kết hợp và tình bằng hữu ở mức cao nhất, tự bản chất nó liên hệ đến việc chia sẻ của cải nên Thiên Chúa, khi ban tặng thánh Giuse cho Mẹ Maria, Người không chỉ ban tặng Giuse cho Mẹ như một bạn đời, một chứng nhân cho sự trinh khiết hay là người bảo vệ thanh danh của Mẹ, mà Người cũng ban tặng thánh Giuse cho Mẹ Maria để Thánh Giuse có thể thông

phần, qua khế ước hôn nhân, vào sự cao cả của riêng Mẹ nữa”. (33)

21. Mỗi liên hệ yêu thương là cốt lõi của đời sống Gia đình thánh, trước tiên nơi sự nghèo hèn của Bêlem, tiếp đến là nơi việc các ngài sống tha hương ở Ai Cập, và sau đó trong nhà Nagiarét. Giáo hội tôn kính Gia đình thánh một cách sâu xa, và đề nghị đó là mẫu mực cho tất cả mọi gia đình. Được trực tiếp lồng vào trong mầu nhiệm Nhập thể, Gia đình Nagiarét có mầu nhiệm đặc biệt của riêng mình. Trong mầu nhiệm này, cũng như trong mầu nhiệm Nhập thể, người ta nhận thấy có một cương vị làm cha đích thực: hình thức trần thế của gia đình Con Thiên Chúa, một gia đình phàm trần thực sự, được hình thành bởi mầu nhiệm thánh. Trong gia đình này, thánh Giuse là người cha: cương vị làm cha của Người không phát xuất từ việc sinh con; cũng chẳng phải làm cha “bê ngoài” hoặc chỉ “thay thế” mà thôi. Đúng hơn, đó là một cương vị chia sẻ đầy đủ việc làm cha trần thế và sứ mạng người cha trong gia đình. Và như thế hiệu quả của việc kết hợp giữa nhân tính và thiên tính là: nhân tính được hiệp nhất với Ngôi vị Thiên Chúa của Ngôi Lời, Con Thiên Chúa, Đức Giêsu Kitô. Và cùng với nhân tính ấy, tất cả những gì thuộc về con người, đặc biệt là gia đình, như là chiều kích đầu tiên của con người nơi trần thế này, cũng được hiệp nhất trong Đức Kitô. Và cũng như vậy, đối với chức vị làm cha của Thánh Giuse trong mầu nhiệm Nhập Thể của Đức Kitô.

Trên cơ sở nguyên tắc này, những lời Mẹ Maria nói với Chúa Giêsu lúc đó mới 12 tuổi trong Đền thờ thật là đầy đủ ý nghĩa: “Cha con và mẹ... đã tìm con”. Đây không phải là câu chiếu lệ: Những lời của Mẹ Maria nói với Chúa Giêsu bày tỏ đầy đủ thực tại của việc Nhập thể hiện diện trong mẫu nhiệm Gia đình Nagiarét. Ngay từ đầu, với sự “vâng phục đức tin”, thánh Giuse đã chấp nhận cương vị làm cha trần thế của Chúa Giêsu. Và do đó, noi theo ánh sáng của Chúa Thánh Thần, Đấng ban tặng chính mình cho loài người qua đức tin, chắc chắn thánh Giuse càng khám phá trọn vẹn hơn món quà khôn tả là cương vị làm cha trần thế của Người.

LAO ĐỘNG NHƯ MỘT CÁCH DIỄN TẢ TÌNH YÊU

22. Lao động là cách hằng ngày diễn tả tình yêu trong cuộc sống của Gia đình Nagiarét. Sách Tin Mừng nói rõ loại công việc mà thánh Giuse làm để nuôi sống gia đình mình: Người là một thợ mộc. Từ đơn giản này tóm gọn toàn bộ cuộc sống của thánh Giuse. Đối với Chúa Giêsu, đây là những năm ẩn dật, những năm mà Luca nói đến sau khi kể lại câu chuyện xảy ra trong Đền thờ: “Và Người đi xuống cùng với cha mẹ, trở về Nagiarét và hằng vâng phục các ngài” (Lc 2,51). Sự “phục tùng” hoặc vâng lời của Chúa Giêsu trong nhà Nagiarét cần được hiểu như là một sự chia sẻ trong lao động với Giuse. Trong khi học việc với người được coi là cha

mình, Người được biết đến như là “con của ông thợ mộc.” Nếu Gia đình Nagiarét là tấm gương và là mẫu mực cho các gia đình khác, trong việc cứu độ và nên thánh, thì lao động của Chúa Giêsu bên cạnh ông thợ mộc Giuse cũng tương tự như thế. Trong thời đại chúng ta ngày nay, Giáo hội nhân mạnh điều này bằng cách qui định phụng vụ kính thánh Giuse Thợ vào ngày 1 tháng 5. Lao công của con người, nhất là lao động tay chân, được đặc biệt nhấn mạnh trong Tin Mừng. Cùng với nhân tính của Con Thiên Chúa, lao động cũng được đưa vào trong mầu nhiệm Nhập thể, và cũng được cứu chuộc theo cách đặc biệt. Tại xưởng mộc nơi Ngài miệt mài làm việc với Chúa Giêsu, thánh Giuse đưa lao công con người đến gần mầu nhiệm Cứu chuộc hơn.

23. Trong thời gian Chúa Giêsu “ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và thêm ân nghĩa”, đức tính cần cù nắm một vai trò đáng kể, vì “lao động là điều thiện hảo nơi con người”, nó “biến đổi thiên nhiên” và biến con người “theo một nghĩa nào đó, thành nhân bản hơn”. (34)

Tầm quan trọng của lao động trong đời sống con người đòi hỏi chúng ta phải thấu triệt và tiếp thu ý nghĩa của nó để “giúp mọi người đến gần Thiên Chúa, Đấng Tạo hoá và Đấng Cứu chuộc hơn, để tham dự vào kế hoạch cứu độ con người và thế giới, và để đào sâu hơn... tình bạn với Chúa Kitô trong cuộc sống của họ, bằng cách qua đức tin, chấp nhận tham dự

sống động vào sứ mạng gồm ba chức vụ của Người là Tư tế, Tiên tri và Vua”. (35)

24. Điều hết sức quan trọng ở đây là thánh hoá cuộc sống hằng ngày, một sự thánh hoá mà mỗi người phải đạt được tuỳ theo bậc sống của mình. Sự thánh hoá đó có thể được thăng tiến theo mẫu mực ai cũng có thể đạt tới: “Thánh Giuse là mẫu mực của những người khiêm hạ mà Kitô giáo nâng lên những địa vị cao sang; ... Người là bằng chứng cho thấy rằng để trở thành một môn đệ tốt và chân chính nối gót Chúa Kitô, không cần đến những điều vĩ đại – chỉ cần các nhân đức thông thường, đơn sơ và nhân bản, nhưng phải là những nhân đức đúng nghĩa và chân thực.” (36)

SỰ ƯU VIỆT CỦA ĐỜI NỘI TÂM

25. Chính bầu khí thịnh lặng bao phủ mọi chuyện liên quan thánh Giuse cũng bao trùm công việc của Người trong tư cách là một thợ mộc nhà Nagiarét. Tuy nhiên, chính sự thịnh lặng ấy bộc lộ cách đặc biệt chân dung nội tâm của Người. Các sách Tin Mừng chỉ đề cập đến những việc Giuse “làm”. Dầu vậy, Tin mừng cho phép chúng ta khám phá trong những ”hành vi” của Người – vốn bao phủ bởi sự thịnh lặng cố hữu – một bầu khí chiêm niệm sâu xa. Thánh Giuse vẫn tiếp xúc hằng ngày với mẫu nhiệm “bị che giấu từ bao đời,” và đang “ngụ cư” dưới mái nhà của Người. Điều này giải thích, chẳng hạn, tại sao thánh nữ Têrêsa Giêsu, nhà đại cải

cách của các Nữ tu dòng Kín, đã chấn hưng việc tôn kính thánh Giuse trong Kitô giáo phương Tây.

26. Sự hy sinh hoàn toàn, qua đó thánh Giuse hiến dâng trọn vẹn cuộc sống cho những đòi hỏi của việc Đấng Thiên sai đến trong nhà mình, chỉ có thể hiểu được trong ánh sáng đời sống nội tâm sâu xa của Người mà thôi. Chính từ cuộc sống nội tâm này mà “những mệnh lệnh và an ủi rất đặc biệt mang đến cho Người lý luận và sức mạnh mà chỉ những tâm hồn đơn sơ và trong sáng mới có và giúp Người có sức đưa ra những quyết định quan trọng – như quyết định ngay lập tức đặt tự do của mình trước sự an bài của Thiên Chúa, cũng như giao phó vào tay Thiên Chúa an bài ơn gọi nhân bản chính đáng, hạnh phúc hôn nhân của mình, để chấp nhận các điều kiện, trách nhiệm và gánh nặng của một gia đình, và từ khước tình yêu đôi lứa tự nhiên vốn là nền tảng nuôi dưỡng gia đình, để chọn một tình yêu trinh khiết không thể sánh ví. (37)

Thái độ phục tùng Thiên Chúa, ước muốn sẵn sàng tận hiến cho tất cả những gì phục vụ Người, thực sự không là gì khác hơn việc trau dồi lòng đạo đức vốn là một cách biểu hiện nhân đức thờ phượng. (38)

27. Sự hiệp thông đời sống giữa thánh Giuse và Chúa Giêsu khiến chúng ta suy nghĩ một lần nữa đến mẫu nhiệm Nhập thể, chính xác là dưới khía cạnh nhân tính của Chúa Giêsu, vốn là phương tiện hữu hiệu thiên tính Người dùng để

thánh hoá con người: “Nhờ thiên tính của Người, các hành động nhân loại của Đức Kitô có sức cứu độ chúng ta, mang lại ơn sủng cho chúng ta, hoặc do công nghiệp hoặc do hiệu lực nào đó”. (39)

Trong các hành vi này, các tác giả Tin Mừng làm nổi bật những gì liên quan tới Mầu nhiệm Vượt qua, và cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tiếp xúc thể lý với Chúa Giêsu để được chữa lành (ví dụ x. Lc 1,41), và ảnh hưởng Chúa Giêsu tác động trên Gioan Tẩy giả khi cả hai người còn trong lòng mẹ (x. Lc 1,41-44).

Như chúng ta đã thấy, vị chứng nhân tông đồ không phải đã sao lãng câu chuyện Chúa Giêsu giảng sinh, việc cắt bì, dâng vào Đền thánh, trốn sang Ai Cập và cuộc sống ẩn dật ở Nagiarét. Câu chuyện đó nhìn nhận “mầu nhiệm” của ơn sủng hiện diện trong từng “hành vi” cứu độ này, vì chúng đều chia sẻ cùng một nguồn tình yêu: thiên tính của Đức Kitô. Nếu qua nhân tính của đức Kitô tình yêu này rực sáng trên nhân loại, những người được hưởng lợi đầu tiên chắc chắn là những người mà thiên ý đã muốn liên kết thân mật nhất với chính tình yêu này: Mẹ Maria, Mẹ Chúa Giêsu, và thánh Giuse, người được xem là cha ngài. (40)

Tại sao tình “phụ tử” của Giuse lại không ảnh hưởng lên tình “hiếu thảo” của Chúa Giêsu cho được ? Và ngược lại sao tình “hiếu thảo” của Chúa Giêsu lại không ảnh hưởng lên tình yêu “phụ tử” của Giuse, do đó mối quan hệ duy nhất của

các ngài càng sâu đậm thêm ? Những tâm hồn nhạy bén nhất với các xung lực tình yêu Thiên Chúa nhận thấy đúng nơi Giuse một mẫu mực sáng ngời của đời sống nội tâm.

Hơn nữa, sự căng thẳng biểu kiến giữa đời hoạt động và đời chiêm niệm đã được dung hoà một cách lý tưởng nơi thánh Giuse, như chỉ có thể xảy ra nơi những người có đức ái hoàn hảo mà thôi. Theo sự phân biệt nổi tiếng của thánh Augustinô giữa lòng yêu mến sự thật (*caritas veritatis*) và những đòi hỏi thực tế của tình yêu (*necessitas caritatis*), (41) chúng ta có thể nói rằng Giuse cảm nghiệm cả hai: lòng yêu mến sự thật – là tình yêu tinh tuyền chiêm ngắm Chân lý thần linh chiếu toả từ nhân tính của đức Kitô – và những đòi hỏi của tình yêu – cũng là tình yêu tinh tuyền và vị tha cần thiết cho ơn gọi bảo vệ và phát triển nhân tính Chúa Giêsu, vốn liên kết chặt chẽ với thiên tính của Người.

QUAN THẦY HỘI THÁNH NGÀY NAY

28. Vào một thời kỳ khó khăn trong lịch sử Giáo Hội, Đức Thánh Cha Piô IX vì muốn đặt Giáo hội dưới sự bảo trợ uy quyền của thánh Tổ phụ Giuse, nên đã công bố Người là “Quan thầy của Giáo hội Công Giáo”. (42) Đối với Đức Piô IX thì đây không phải là một việc dư thừa, bởi dựa vào phẩm giá cao vời Thiên Chúa đã ban cho người tôi tớ trung nhất là thánh Giuse, mà “Giáo Hội luôn trọng kính, ca tụng, cầu

Người cứu giúp giữa những điều linh, chỉ sau hiền thê Người là Đức Trinh nữ được chúc phúc”.

Lý do nào dẫn tới sự tín nhiệm lớn lao ấy? Đức Lêô XIII đã giải thích điều này như sau: “Chính vì Thánh Giuse đã là hôn phu của Đức Maria và là cha nuôi của Chúa Giêsu, mà Giáo hội nhận Người làm Quan thầy đặc biệt, và rồi từ đó, Giáo hội hy vọng tràn trề vào sự chăm sóc và bảo trợ của Ngài... Xưa kia, thánh Giuse làm giám hộ hợp pháp và tự nhiên của Thánh gia, là gia trưởng và người bảo vệ... Phẩm giá của Thánh Giuse quả xứng hợp và thích đáng, để, như trước đây Người đã một lần không ngừng chăm nom gia đình Nagiarét, thì nay từ trời cao Ngài tiếp tục che chở và bảo vệ Giáo hội Chúa Kitô như vậy”.

29. Giáo Hội phải năng khẩn cầu sự bảo trợ luôn luôn cần thiết này, không chỉ để bảo vệ chống mọi nguy hiểm, mà tiên vãn là thúc đẩy Giáo hội đổi mới quyết tâm dấn thân vào việc truyền giáo khắp thế giới và tái truyền giáo trên những mảnh đất và quốc gia – như Tôi đã viết trong Tông Huấn *Christideles Laici* – nơi mà “trước đây đạo giáo và sức sống Kitô giáo đã hưng thịnh ... mà nay đang gặp thử thách nặng nề”. (45) Để mang đến lời rao giảng lần đầu tiên về Chúa Kitô, hay công bố lại ở nơi hững hờ hay chốn đã lãng quên, Giáo Hội cần đến “quyền năng đặc biệt từ trời cao ban xuống” (cf. Lk 24,49; Cv 1,8): đó chính là ân huệ của Chúa

Thánh Thần, một ân huệ từng được liên kết với lời cầu bầu và đời sống gương mẫu của các Thánh.

30. Ngoài việc tin tưởng vào sự bảo vệ chắc chắn của Thánh Giuse, Giáo Hội còn tin tưởng vào gương mẫu cao quý của Ngài, một mẫu gương siêu vượt trên mọi bậc sống cá nhân và dùng làm mẫu mực cho toàn thể cộng đoàn Kitô hữu noi theo, dù ở bất kỳ hoàn cảnh hay chức vụ cá biệt nào.

Như Công Đồng Vatican II đã đề cập đến trong Hiến chế về Mạc Khải thái độ căn bản của toàn thể Giáo Hội phải là “nghe lời Chúa với niềm kính trọng”, (46) là tuyệt đối sẵn sàng trung tín phục vụ ý muốn cứu chuộc của Thiên Chúa được mạc khải nơi Chúa Kitô. Ngay lúc khởi đầu của công trình cứu rỗi nhân loại, sau Đức Maria, chúng ta tìm thấy một mẫu gương vâng lời hoá thân nơi Thánh Giuse, một người được tiếng là luôn thi hành trọn vẹn mệnh lệnh của Thiên Chúa.

Đức Thánh Cha Phaolô VI đã mời gọi chúng ta khẩn cầu sự bảo trợ của Thánh Giuse “như Giáo Hội thường làm trong thời gian gần đây, trước hết cho chính mình, với suy tư thần học tự phát về sự liên kết giữa hành vi thần linh và hành vi nhân linh trong nhiệm cục Cứu chuộc cao cả, trong nhiệm cục ấy, hành vi thứ nhất – hành vi thần linh thì toàn toàn tự đầy đủ, trong khi hành vi thứ hai- hành vi nhân linh – là hành vi của loài người chúng ta, tuy bất túc (x. Ga 15,5), nhưng cũng không được miễn chúc mà phải góp phần cộng tác tuy

khiêm nhường nhưng cần thiết và cao cả. Giáo Hội cũng nguyện xin Thánh Giuse làm Người Chăm Nom lòng ao ước sâu xa và luôn.... phục hồi sức sống của Giáo Hội ngày xưa với những nhân đức chiếu toả tin mừng được rạng ngời nơi Thánh Giuse”. (47)

31. Giáo Hội biến đổi những nhu cầu này thành kinh nguyện. Ý thức rằng Thiên Chúa muốn trao phó những giai đoạn đầu công cuộc cứu chuộc chúng ta cho Thánh Giuse chăm nom, Giáo Hội cầu xin Thiên Chúa ban ơn để được tín thành cộng tác vào công trình cứu chuộc; để Giáo Hội nhận được lòng tín thành và trái tim tinh tuyền vốn đã gây cảm hứng cho Thánh Giuse phục vụ Ngôi Lời Nhập Thể; và để Giáo Hội tiến bước trước mặt Chúa trong đường thánh thiện và công chính, noi gương thánh Giuse và qua lời cầu bầu của Người. (48)

Một trăm năm trước, Đức Lêô XIII đã khuyến khích thế giới Công Giáo cầu nguyện xin được sự bảo vệ của Thánh Giuse, Quan thầy của Giáo Hội. Tông thư Quamquam Pluries thỉnh cầu tới “tình phụ tử... dành cho Trẻ thơ Giêsu” của Thánh Giuse và phó thác nơi Người, như “một người bảo hộ được quan phòng để chăm lo Thánh Gia”, “cái di sản quý mến mà Chúa Giêsu Kitô đã mua bằng chính máu mình”. Kể từ đó – như Tôi đã nhắc lại ở đầu Tông huấn này – Giáo Hội đã cầu xin sự che chở của Thánh Giuse dựa trên căn bản của “mối giây liên kết thánh thiện của đức ái đã hiệp nhất Người với

Trình Nữ Vô Nhiễm Mẹ Thiên Chúa”, và Giáo Hội đã phó thác nơi Thánh Giuse hết tất cả mọi lo âu kể cả những hiểm nguy đang đe dọa gia đình nhân loại.

Ngày nay, chúng ta có nhiều lý do để cầu nguyện tương tự: “Lạy Cha rất thương yêu! Chúng con xin người phá tan mọi sự dối trá cùng mọi tội lỗi... xin Người đủ lòng thương mà che chở chúng con đang khi chiến trận cùng kẻ thù tối tăm... Như xưa Người đã gìn giữ Đức Chúa Chúa Giêsu cho khỏi cơn hiểm nghèo thể nào, thì rầy chúng con cũng xin Người cứu chữa Hội Thánh, cho khỏi mắc mưu kẻ thù, cùng các sự gian nan khốn khó như vậy” (49). Ngày nay chúng ta vẫn còn có lý do để phó thác mọi người cho Thánh Giuse.

32. Nguyện vọng thâm sâu của Tôi là những tư tưởng trên đây về con người Thánh Giuse sẽ hâm nóng trong chúng ta niềm sùng kính sốt sắng mà Đấng Tiên Nhiệm của Tôi đã mời gọi một thế kỷ trước đây. Những lời cầu nguyện của chúng ta và chính con người của Thánh Giuse đã mang lại một ý nghĩa mới cho Giáo Hội trong thời đại chúng ta ngày nay dưới ánh sáng của Thiên Niên Kỷ Kitô thứ III.

Công Đồng Vatican II đã giúp tất cả chúng ta một lần nữa quan tâm tới “những điều vĩ đại mà Thiên Chúa đã làm”, cùng với “nhiệm vụ cứu rỗi” mà Thánh Giuse là một thừa tác viên đặc biệt. Vì thế chúng ta hãy phó thác chính mình để được Thánh Giuse chăm sóc, người mà Thiên Chúa tin tưởng

phó thác “những kho tàng vĩ đại và quý báu nhất,” (50) đồng thời hãy học hỏi nơi Người cách làm đầy tớ phục vụ trong “nhiệm vụ cứu rỗi”. Mong Thánh Giuse trở thành người thầy đặc biệt dạy chúng ta phục vụ sứ mạng cứu rỗi của Chúa Kitô, một sứ mạng mà mỗi người chúng ta và mỗi thành viên của Giáo hội đều có trách nhiệm: vợ, chồng, cha mẹ, những người sinh sống bằng lao động chân tay hay bất cứ công việc gì, những người được gọi vào đời sống chiêm niệm và những ai làm việc tông đồ.

Con người công chính này, mang trong mình tất cả di sản của Cựu Ước, cũng đã được đưa vào thời “khởi đầu” của Giao Ước Mới và Vĩnh cửu trong Chúa Giêsu Kitô. Nguyên xin Người sẽ chỉ cho chúng ta những lối đường của Giao Ước cứu rỗi này trong lúc chúng ta đứng trước ngưỡng cửa thiên niên kỷ kế tiếp, trong đó “sự viên mãn của thời gian” vốn thuộc về mầu nhiệm khôn tả của Ngôi Lời Nhập Thể phải được nối tiếp và phát huy không ngừng.

Nguyên xin Thánh Giuse mang lại cho Giáo Hội và thế giới, cũng như mỗi người chúng ta, phúc lành của Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần.

Công bố tại Đền Thánh Phêrô, Rôma, ngày 15 tháng 08
Ngày kính trọng thể Đức Trinh Nữ Maria Hồn Xác Lên Trời
năm 1989,
năm thứ 11 Giáo triều của Tôi.

GHI CHÚ

1. Cf. St. Irenaeus, *Adversus haereses*, IV, 23, 1: S. Ch. 100/2, pp. 692-694.
2. Leo XIII, Encyclical Epistle *Quamquam pluries* (August 15, 1889): Leonis XIII P.M. Acta, IX (1890), pp. 175-182.
3. Sacror. Rituum Congreg., Decr. *Quemadmodum Deus* (December 8, 1870): Pii IX P.M. Acta, pars I, vol. V, p. 282; Pius IX, Apostolic Letter *Inclytum Patriarcham* (July 7, 1871): loc. cit., pp. 331-335.
4. Cf. St. John Chrysostom, *In Matth. Hom.* V, 3: PG 57, 57f. The Fathers of the Church and the Popes, on the basis of their common name, also saw in Joseph of Egypt a prototype of Joseph of Nazareth, inasmuch as the former foreshadowed in some way the ministry and greatness of the latter, who was guardian of God the Father's most precious treasures-the Incarnate Word and his most holy Mother: cf., for example, St. Bernard, *Super "Missus est," Hom.* II, 16: S. Bernardi Opera, Ed. Cist., IV, 33f.; Leo XIII, Encyclical Epistle *Quamquam pluries* (August 15, 1889): loc. cit., p. 179.
5. *Lumen Gentium*, 58.
6. Cf. *ibid.*, 63.
7. *Dei Verbum*, 5.

8. Ibid., 2.
9. Cf. *Lumen Gentium*, 63.
10. *Dei Verbum*, 2.
11. Sacred Congregation of Rites, Decree *Novis hisce temporibus* (November 13, 1962): AAS 54 (1962), p. 873.
12. St. Augustine, *Sermo* 51, 10, 16: PL 38, 342.
13. St. Augustine, *De nuptiis et concupiscentia*, I, 11, 12: PL 44, 421; cf. *De consensu evangelistarum*, II, 1, 2: PL 34, 1071; *Contra Faustum*, III, 2: PL 42, 214.
14. St. Augustine, *De nuptiis et concupiscentia*, I, 11, 13: PL 44, 421; cf. *Contra Iulianum*, V, 12, 46: PL 44, 810.
15. Cf. St. Augustine, *Contra Faustum*, XXIII, 8: PL 42, 470f.; *De consensu evangelistarum*, II, 1, 3: PL 34, 1072; *Sermo*, 51, 13, 21: PL 38, 344f.; St. Thomas, *Summa Theol.*, III, q. 29, a. 2 in conclus.
16. Cf. Discourses of January 9, 16, February 20, 1980: *Insegnamenti*, III/I (1980), pp. 88-92; 148-152; 428-431.
17. Paul VI, Discourse to the “Equipes Notre-Dame” Movement (May 4, 1970), n. 7: AAS 62 (1970), p. 431. Similar praise of the Family of Nazareth as a perfect example of domestic life can be found, for example, in Leo XIII, Apostolic Letter *Neminem fugit* (June 14, 1892); Leonis XIII PM. Acta, XII (1892), p. 149f.; Benedict XV, *Motu Proprio Bonum sane* (July 25, 1920): AAS 12 (1920), pp. 313-317.

18. Familiaris Consortio (November 22, 1981), 17: AAS 74 (1982), p. 100.
19. Ibid., 49: loc. cit., p. 140; cf. Lumen Gentium, 11; Apostolicam Actuositatem, 11.
- 20 Familiaris Consortio (November 22, 1981), 85: loc. cit., pp. 189f.
21. Cf. St. John Chrysostom, In Matth. Hom. V, 3: PG 57, 57f.
22. Paul VI, Discourse (March 19, 1966): Insegnamenti, IV (1966), p. 110.
23. Cf. Roman Missal, Collect for the Solemnity of St. Joseph, Husband of the Blessed Virgin Mary.
24. Cf. ibid., Preface for the Solemnity of St. Joseph, Husband of the Blessed Virgin Mary.
25. Leo XIII, Encyclical Epistle Quamquam pluries (August 15, 1889): loc. cit., p. 178.
26. Pius XII, Radio Message to Catholic School Students in the United States of America (February 19, 1958): AAS 50 (1958), p.174.
27. Origen, Hom. XIII in Lucam, 7: S. Ch. 87, pp 214f.
28. Origen, Hom. XI in Lucam, 6: S. Ch. 87, pp. 196f.
29. Cf. Roman Missal, Eucharistic Prayer I.
30. Sacror. Rituum Congreg., Decr. Quemadmodum Deus (December 8 1870): loc. cit., p. 282.

31. *Collectio Missarum de Beata Maria Virgine*, 1, “*Sancta Maria de Nazareth*,” Praefatio.
32. *Apostolic Exhortation Familiaris Consortio* (November 22, 1981), 16:106. cit., p. 98.
33. Leo XIII, *Encyclical Epistle Quamquam pluries* (August 15, 1889): loc. cit., pp. 177f.
34. Cf. *Encyclical Letter Laborem Exercens* (September 14, 1981), 9: AAS 73 (1981), pp. 599f.
35. *Ibid.*, 24: loc. cit., p. 638. The Popes in recent times have constantly presented St. Joseph as the “model” of workers and laborers; Cf., for example, Leo XIII, *Encyclical Epistle Quamquam pluries* (August 15, 1889): loc. cit., p. 180; Benedict XV, *Motu proprio Bonum sane* (July 25, 1920): loc. cit., pp. 314-316; Pius XII, *Discourse* (March 11, 1945), 4: AAS 37 (1945), p. 72; *Discourse* (May 1, 1955): AAS 47 (1955), p. 406; John XXIII, *Radio Address* (May 1, 1960): AAS 52 (1960), p. 398.
36. Paul VI, *Discourse* (March 19, 1969): *Insegnamenti*, VII (1969), p. 1268.
37. *Ibid.*: loc. cit., p. 1267.
38. Cf. St. Thomas, *Summa Theol.* II-IIae, q. 82, a. 3, ad 2.
39. *Ibid.*, III, q. 8, a. 1, ad 1.
40. Cf. Pius XII, *Encyclical Letter Haurietis aquas* (May 15, 1956), III: AAS 48 (1956), pp. 329f.
41. Cf. St. Thomas, *Summa Theol.* II-IIae, q. 182, a. 1, ad 3.

42. Cf. Sacror. Rituum Congreg., Decr. Quemadmodum Deus (December 8, 1870): loc. cit., p.283.
43. Ibid.: loc. cit., pp. 282f.
44. Leo XIII, Encyclical Epistle Quamquam pluries (August 15, 1889): loc. cit., pp. 177-179.
45. Post-Synodal Apostolic Exhortation Christifidele Laici (December 30, 1988), 34: AAS 81 (1989), p. 456.
46. Second Vatican Ecumenical Council, Dogmatic Constitution on Divine Revelation, Dei Verbum, 1.
47. Paul VI, Discourse (March 19, 1969): Insegnamenti, VII (1969) p. 1269.
48. Cf. Roman Missal, Collect, Prayer over the Gifts for the Solemnity of St. Joseph, Husband of the Blessed Virgin Mary; Prayer after Communion from the Votive Mass of St. Joseph.
49. Cf. Leo XIII, “Oratio ad Sanctum Iosephum,” contained immediately after the text of the Encyclical Epistle Quamquam pluries (August 15, 1889)-Leonis XIII P.M. Acta, IX (1890), p. 183.
50. Sacror Rituum Congreg., Decr. Quemadmodum Deus (December 8 1870): loc. cit., p. 282.